

Bản án số: **109/2024/DS-ST**
Ngày: 31 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Ông Thái Bình Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương** tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A, đường A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Xuân H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số B, đường N, Tổ D, Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27/10/2023). SĐT 0773.493.333

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị Yến M, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số A đường T, Khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ hiện nay: nhà không số (đối diện nhà số E), Đường Đ, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT 0932.185.199 - 0968.518.519

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:**

Bà T và bà Trần Thị Yến M là bạn bè quen biết. Vì tin tưởng nên bà T nhiều lần cho bà M vay tiền. Cụ thể: Lần thứ 1 cho bà M vay 70.000.000 đồng;

lần thứ 2 cho bà M vay 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T đã cho bà M vay là 120.000.000 đồng. Sau đó, bà T yêu cầu bà M trả lại toàn bộ số tiền đã vay của bà T. Sau nhiều lần hứa hẹn ngày 05/10/2020, bà M viết giấy cam kết hứa trả số tiền trên vào ngày 30/12/2022. Tuy nhiên đến thời hạn nêu trên, bà T gọi điện, nhắn tin yêu cầu bà M trả lại tiền thì bà M chỉ trả số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng, bà M không trả. Bà T nhiều lần nhắn tin, gọi điện yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M không trả. Thời gian gần đây, bà M không nghe điện thoại và trả lời tin nhắn của bà T.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết buộc bà M trả cho bà T số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 01/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền trên, tạm tính từ tháng 01/2023 đến tháng 11/2023 là: 70.000.000đ x 11 tháng x 0.83%/tháng 6.391.000đ. Tổng gốc và lãi là 76.391.000đ (bảy mươi sáu triệu ba trăm chín mươi một ngàn đồng).

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, nguyên đơn (bà T) trình bày, khi cho bà M vay tiền, bà T và bà M thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng, kể từ ngày vay 08/12/2021. Tuy nhiên, sau khi viết giấy vay tiền đến nay, bà M không trả cho bà T được khoản tiền lãi, gốc nào. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả lại số tiền tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi bà T yêu cầu bà M trả kể từ ngày vay đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là 20.000.000 đồng.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Căn cước công dân bà Nguyễn Thị T, bà Phan Thị Xuân H (bản chứng thực); Chứng minh nhân dân bà Trần Thị Yến M (bản photo); Giấy vay tiền ngày 08/12/2021 giữa bà Trần Thị Yến M và bà Nguyễn Thị T (bản photo); Hợp đồng ủy quyền ngày 27/10/2023 của bà T cho bà H (bản chính).

- Tại Bản tự khai đề ngày 17/7/2024, bị đơn bà Trần Thị Yến M trình bày:

Trước đây, bà M có vay của bà T số tiền 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, bà M đã đóng lãi cho bà T thời gian qua và đã trả trước số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng, bà M và bà T thỏa thuận ngừng đóng tiền lãi và trả góp hàng tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hiện nay, bà M khó khăn về vấn đề tài chính, đi làm thuê lương 01 tháng chỉ có 3.200.000 đồng, còn phải nuôi 02 con nhỏ và cha mẹ già, bệnh nên mong tòa án xem xét.

Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho tòa án

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc và tiền lãi, yêu cầu bà M trả tổng số tiền nợ 90.000.000 đồng, bao gồm 70.000.000 đồng tiền nợ gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 31/7/2024.

- Bị đơn bà **Trần Thị Yến M** đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà **M**.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thu thập tài liệu chứng cứ; tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình tiến hành tố tụng, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu; ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại **thành phố T, tỉnh Bình Dương** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét chứng cứ, yêu cầu khởi kiện của bà **T**, thấy rằng:

Chứng cứ bà **T** đưa ra là Giấy vay tiền ngày 08/12/2021 giữa bà **T** và bà **M**. Xét thấy giấy vay tiền trên là tài liệu có nội dung đọc được, có bản chính để đối chiếu, do bị đơn bà **Trần Thị Yến M** viết và ký tên nên được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức các bên xác lập bằng văn bản, nội dung giao dịch không trái pháp luật, các bên giao dịch hoàn toàn tự nguyện phù hợp các điều 117, 118, 119 và 463 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực.

Căn cứ nội dung thỏa thuận trong giấy vay tiền trên, Tòa xác định giao dịch giữa bà **T** và bà **M** là hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là loại hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Khi đến hạn trả nợ, bà **M** không trả, bà **T** khởi kiện đòi số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng là hoàn toàn chính đáng, phù hợp Điều 466 Bộ luật Dân sự và sự thừa nhận nợ của bà **M** nên Tòa chấp nhận.

Về lãi suất: Hai bên thống nhất lãi suất bà **T** và bà **M** thỏa thuận khi cho vay là 8%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi suất hai bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay. Trường hợp lãi suất vượt quá giới hạn được quy định thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Bà **T** và bà **M** thỏa thuận 8%/tháng = 96%/năm, vượt 76%/năm, do đó, phần 76%/năm không có hiệu lực.

Quá trình giải quyết vụ án, bà **T** cho rằng bà **M** chưa trả tiền lãi đối với khoản nợ 70.000.000 đồng. Bà **M** cho rằng đã trả cho bà **T** được 01 khoản tiền lãi nhưng không cho biết đã trả bao nhiêu tiền lãi, không giao nộp được chứng cứ chứng minh nên tòa không có căn cứ chấp nhận lời trình bày trên của bà **M**.

Như vậy, tiền lãi bà **M** phải trả cho bà **T** được tính như sau: Ngày 08/12/2021, bà **T** cho bà **M** vay tiền. Từ ngày 08/12/2021 - ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2024) là 02 năm, 04 tháng, 08 ngày. Lãi suất 20%/năm, tương đương số tiền 32.958.000 đồng, bà **T** yêu cầu bà **M** trả tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20.000.000 đồng là có lợi cho bà **M** nên tòa chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **M** phải chịu án phí theo quy định pháp luật; bà **T** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 95, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** đối với bị đơn bà **Trần Thị Yến M** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về tiền nợ: Buộc bà **M** trả cho bà **T** tổng số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi

tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2024) là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 08/12/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 31/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 20%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **M** chịu số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Bà **T** được nhận lại số tiền 1.910.000đ (một triệu chín trăm mười ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004284 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình